TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 72/2018/DS-ST
Ngày: 05-6-2018
V/v Tranh chấp hụi

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thanh Diễn.
2. Ông Lê Văn Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bùi Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2017/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2017 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm: 1983.
Địa chỉ: Ấp M M1, xã T H, huyện G T, tỉnh B T.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:
Ông Lê Văn A – Hội viên Hội Luật gia huyện G T, tỉnh B T.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965.
Địa chỉ: Ấp M M1, xã T H, huyện G T, tỉnh B T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Ông Phạm Văn T, sinh năm: 1963.
Địa chỉ: Ấp M M1, xã T H, huyện G T, tỉnh B T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Th và ông Lê Văn A có mặt, bà H và ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Bà Nguyễn Thị H có tham gia nhiều dây hụi tháng do ông làm chủ hụi. Thời gian bà H bắt đầu tham gia hụi từ tháng 10 (âm lịch) năm 2015. Bà H đã hốt tất cả các phần hụi mà bà tham gia trong các dây hụi nhưng không đóng tiền hụi chết cho ông. Vào ngày 18/9/2017 âm lịch, ông và bà H đã cùng nhau xác nhận nợ hụi và thống nhất số tiền hụi bà H nợ ông là 223.500.000 đồng. Bà H có ký giấy thừa nhận số tiền hụi còn nợ và hứa đến ngày 15/10/2017 âm lịch sẽ trả 100.000.000 đồng, còn lại mỗi tháng trả 10.000.000 đồng tới hết số tiền thiếu cho ông nhưng bà H không thực hiện đúng lời hứa, ông nhiều lần đòi nợ nhưng bà H không trả.

Trong số tiền 223.500.000 đồng có bao gồm số tiền 33.000.000 đồng trước đây bà H còn nợ tiền hụi cũ của ông (bà H đã hốt hụi nhưng đóng không đầy đủ, ông tổng kết lại ra số tiền 33.000.000 đồng, bà H cũng đồng ý và đã có xác nhận vào sổ hụi của ông) và nợ hụi của các dây hụi đã mãn và chưa mãn.

Các dây hụi đã mãn gồm:

- Hụi khui ngày 10/5/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây thứ nhất gồm 23 phần, mãn ngày 10/3/2017 âm lịch. Bà H tham gia 02 phần và đóng được 18 tháng rồi ngưng đóng, số tiền chưa đóng là 10.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 10/5/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây thứ hai gồm 23 phần, mãn ngày 10/3/2017 âm lịch. Bà H tham gia 02 phần và đóng được 18 tháng rồi ngưng đóng, số tiền chưa đóng là 10.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 20/10/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây thứ nhất gồm 26 phần, mãn ngày 20/10/2017 âm lịch. Bà H tham gia 02 phần và đóng được 13 tháng rồi ngưng đóng, số tiền chưa đóng là 26.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 20/10/2015 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây thứ hai gồm 25 phần, mãn ngày 20/9/2017 âm lịch. Bà Hạnh tham gia 03 phần và đóng được 13 tháng rồi ngưng đóng, số tiền chưa đóng là 36.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 30/11/2015 âm lịch, hụi 500.000 đồng, dây hụi thứ nhất gồm 30 phần, mãn ngày 30/3/2018 âm lịch. Bà H tham gia 01 phần và đóng được 14 tháng rồi ngưng đóng, số tiền chưa đóng là 8.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 15/4/2016 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây hụi thứ nhất gồm 23 phần, mãn ngày 15/01/2018 âm lịch. Bà H tham gia 01 phần và đóng được 07 tháng rồi ngưng đóng, số tiền chưa đóng là 16.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 15/4/2016 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây hụi thứ hai gồm 24 phần, mãn ngày 15/02/2018 âm lịch. Bà H tham gia 02 phần và đóng được 07 tháng rồi ngưng đóng, số tiền chưa đóng là 34.000.000 đồng

Hụi bà H đã hốt đến nay chưa mãn còn 03 dây:

- Hụi khui ngày 10/6/2016 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây hụi thứ nhất gồm 26 phần, mãn ngày 10/6/2018 âm lịch. Bà H tham gia 01 phần và đóng được 5 tháng rồi ngưng đóng, tính từ ngày ngưng đóng đến ngày xét xử thì số tiền chưa đóng là 19.000.000 đồng, tính từ ngày xét xử thì còn hai tháng nữa mãn số tiền là 2.000.000 đồng.

- Hụi khui ngày 10/6/2016 âm lịch, hụi 1.000.000 đồng, dây hụi thứ hai gồm 26 phần, mãn ngày 10/6/2018 âm lịch. Bà H tham gia 01 phần và đóng được 5 tháng rồi ngưng đóng, tính từ ngày ngưng đóng đến đến ngày xét xử thì số tiền chưa đóng là 19.000.000 đồng, tính từ ngày xét xử thì còn hai tháng nữa mãn số tiền là 2.000.000 đồng.

- Hụi 30/11/2015 âm lịch, dây thứ hai 500.000 đồng, gồm 31 phần, mãn ngày 30/4/2018 âm lịch. Bà H tham gia 01 phần và đóng được 14 tháng rồi ngưng đóng, tính từ ngày ngưng đóng đến ngày xét xử thì số tiền chưa đóng là 8.000.000 đồng, tính từ ngày xét xử thì còn 01 tháng nữa mãn số tiền là 500.000 đồng.

Như vậy, tính đến ngày xét xử thì số tiền hụi chưa đóng của bà H là 186.000.000 đồng, cộng với tiền nợ cũ 33.000.000 đồng là 219.000.000 đồng.

Đối với chồng bà H là ông Phạm Văn T, ông có thông báo cho ông T biết về việc chơi hụi giữa bà H với ông, ông T biết và không có ý kiến.

Do đòi tiền nhiều lần mà vợ chồng bà H không trả nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H cùng chồng của bà H là ông Phạm Văn T có trách nhiệm liên đới trả cho ông số tiền nợ hụi là 219.000.000 đồng, không yêu cầu tính tiền lãi. Đối với số tiền hụi tính từ ngày xét xử đến ngày hụi mãn hết thì còn 4.500.000 đồng, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Văn A trình bày:

Do bà Nguyễn Thị H thiếu tiền nợ hụi của ông Nguyễn Văn Th nhưng không thực hiện trả như đã hứa nên ông Th khởi kiện. Hai bên đã thống nhất số tiền hụi bà H nợ ông Th và ghi trong giấy nợ là 223.500.000 đồng, ông Th tự thừa nhận trong số tiền đó có 4.500.000 đồng hụi chưa mãn nên việc ông Th yêu cầu bà H và chồng bà H là ông Phạm Văn T có nghĩa vụ liên đới trả tiền là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc bà H và ông T liên đới trả cho ông Th 219.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G T phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điều 471 của Bộ luật dân sự, Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc bà H và ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Th 219.000.000 đồng.

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Th đối với số tiền 4.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn Th có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện G T, tỉnh B T giải quyết tranh chấp hụi giữa ông với bị đơn là bà Nguyễn Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm Văn T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G T, tỉnh B T.

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H và ông T.

Tại phiên tòa, ông Th thay đổi yêu cầu khởi kiện nhưng theo hướng giảm số tiền yêu cầu. Việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của ông Th không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Th làm đơn khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi là 223.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Chứng cứ để ông Th khởi kiện là giấy do bà H viết tay đề ngày 16/9/2017 âm lịch có chữ ký và ghi họ tên của bà H có nội dung tổng cộng số tiền thiếu ông Th là 223.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Th thừa nhận cho đến nay trừ đi số tiền hụi chưa đến ngày mãn là 4.500.000 đồng nên thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bà H và ông T liên đới trả số tiền 219.000.000 đồng, còn 4.500.000 đồng là tiền hụi bà H thiếu tính từ tháng 5 âm lịch năm 2017 âm lịch đến tháng 6 năm 2017 âm lịch hụi mãn thì ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này, khi các bên có tranh chấp hoặc ông Th có yêu cầu thì sẽ khởi kiện một vụ kiện khác.

Theo xác minh tại địa phương được biết bà H và ông T là vợ chồng hợp pháp, tại thời điểm bà H tham gia hụi của ông Th thì bà và ông T vẫn chung sống và làm ăn chung cùng chăm lo cho gia đình. Bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với ông Th. Vì vậy, việc ông Th yêu cầu bà H, ông T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ hụi 219.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H và ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là: 219.000.000 đồng x 5% = 10.950.000 đồng.

Trả lại cho ông Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.587.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Th.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền là 219.000.000 đồng (Hai trăm mười chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 10.950.000 đồng (Mười triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).

Trả cho ông Nguyễn Văn Th số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.587.500 đồng (Năm triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0013777 ngày 19 tháng 12 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G T.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Thu Trang